

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (106)

BẢO HIỂM TIỀN GỬI: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM

Hồ Thanh Xuân, Nguyễn Thị Liên Hương, Kiều Hải Yến*

Tóm tắt

Hoạt động kinh doanh tiền tệ tiềm ẩn nhiều rủi ro, như rủi ro nợ xấu, rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản. Chính vì vậy, bảo hiểm tiền gửi (BHTG) đã được thành lập để đảm bảo an toàn cho người gửi tiền trong bối cảnh có khủng hoảng xảy ra, các tổ chức tài chính - tín dụng mất khả năng thanh toán. Bài viết này sẽ khảo sát bảo BHTG theo hai vấn đề: (i) mối liên hệ giữa phạm vi BHTG và hành vi chấp nhận rủi ro của ngân hàng thương mại. Cho dù BHTG bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và góp phần duy trì ổn định của hệ thống ngân hàng, nhưng phạm vi bảo hiểm có thể làm thay đổi hành vi chấp nhận rủi ro của mỗi ngân hàng; (ii) Công tác chi trả tiền gửi được bảo hiểm của tổ chức BHTG. Trong trường hợp có tổ chức tham gia BHTG gặp sự cố, công tác chi trả càng được thực hiện nhanh chóng và chính xác càng góp phần nâng cao hiệu quả chính sách BHTG, giúp duy trì niềm tin công chúng và ổn định tài chính.

Từ khóa: Bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, phạm vi bảo hiểm, nguyên tắc chi trả bảo hiểm, quyền lợi người gửi tiền.

* Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Thành phố Hà Nội.

Mối quan hệ giữa phạm vi bảo hiểm tiền gửi và mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng thương mại

Hoạt động kinh doanh tiền tệ tiềm ẩn nhiều rủi ro, như rủi ro nợ xấu, rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản. Chính vì vậy, BHTG đã được thành lập để đảm bảo an toàn cho người gửi tiền. Tuy nhiên, cho dù BHTG bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và góp phần duy trì ổn định của hệ thống ngân hàng, phạm vi bảo hiểm có thể làm thay đổi hành vi và chấp nhận rủi ro của mỗi ngân hàng. Phạm vi BHTG được hiểu là mức độ chi trả BHTG khi xảy ra tình huống tổ chức tham gia BHTG chấm dứt hoạt động và không có khả năng thanh toán cho người gửi tiền. Một số nghiên cứu trên thế giới đã lượng hóa mối liên hệ giữa phạm vi bảo hiểm với hành vi chấp nhận rủi ro của ngân hàng cho thấy giới hạn bảo hiểm quá cao hoặc quá thấp có liên quan với hành vi chấp nhận rủi ro cao hơn.

Tổng quan những nghiên cứu về mối quan hệ giữa phạm vi BHTG và sự chấp nhận rủi ro của các ngân hàng trên thế giới

Trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa phạm vi BHTG và sự chấp nhận rủi ro của các ngân hàng trên thế giới. Có thể kể đến một số công trình sau: Một là, nghiên cứu định lượng hơn 180 quốc gia giai đoạn 1988 - 1999 của Barth và cộng sự, (2006) cho biết kể từ khi BHTG được áp dụng, rủi ro ngân hàng được kiểm soát tốt hơn. Tuy nhiên, chính sách BHTG không hợp lý sẽ dẫn đến thực trạng ngân hàng lợi dụng chính sách chi trả BHTG, một mặt tăng rủi ro tài sản, mặt khác rủi ro đạo đức trong ngân hàng cũng có thể tăng, làm thất thoát tiền của chính phủ, tiền thuế của người dân.¹

¹http://faculty.haas.berkeley.edu/ross_levine/Papers/Bank_Regulation_and_Supervision_Around_the_World_15JAN2013.pdf.

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (106)

Hai là, nghiên cứu của Demirguc – Kumt và Enrica Detragiache (2000) ở 61 quốc gia với 898 quan sát trong khoảng thời gian 1980-1997 chỉ ra rằng BHTG có xu hướng làm tăng khả năng xảy ra khủng hoảng ngân hàng nếu lãi suất không được kiểm soát, thể chế quản lý yếu kém, hạn mức chi trả BHTG quá cao, hình thức thu phí BHTG không hợp lý.²

Ba là, nghiên cứu ở nhiều quốc gia trong giai đoạn 1960-2003 của Delong và Saunders (2011) cho thấy tỷ lệ phí BHTG đồng hạng không tạo nên động lực giảm rủi ro đạo đức.³

Bốn là, nghiên cứu của Angkinand và Wihlborg (2010) cho hơn 100 quốc gia trong thời gian 1997-2003 cho thấy hạn mức chi trả bảo hiểm quá cao hoặc quá thấp có liên quan nhiều tới hành vi chấp nhận rủi ro. Hơn nữa, họ thừa nhận mối quan hệ giữa BHTG và mức độ rủi ro mà ngân hàng chấp nhận ảnh hưởng bởi chất lượng quản trị ngân hàng. Theo Angkinand và Wihlborg (2010), nếu phạm vi BHTG là quá hẹp (hạn mức chi trả BHTG quá thấp, ảnh hưởng của BHTG không đáng kể), chính phủ có thể bắt buộc phải bảo lãnh cho các ngân hàng khi có khủng hoảng hệ thống do phạm vi bảo hiểm không đủ lớn để duy trì niềm tin của người gửi tiền. Mặt khác, nếu phạm vi BHTG quá cao, các ngân hàng sẽ chủ quan trong hoạt động kinh doanh, kiểm soát rủi ro, người gửi tiền chỉ quan tâm đến lãi suất gửi tiền, không quan tâm đến uy tín của ngân hàng, dẫn đến chính phủ sẽ phải gánh chịu các rủi ro thua lỗ cao hơn các ngân hàng. Khi đổ vỡ xảy ra, ngân sách không đủ để chi trả cho người gửi tiền, chính phủ sẽ phải chịu áp lực nhanh chóng thanh lý tài sản của ngân hàng để có tiền chi trả cho người gửi tiền, gây ra sự lãng

² http://siteresources.worldbank.org/INTFR/Resources/475459-1108066643741/asli_enrica.pdf.

³ <https://www.aicb.org.my/wp-content/uploads/BJM-138-2012.pdf>.

phí và thất thoát, đặc biệt là khi ngân hàng chưa chắc phá sản, có thể chỉ mất thanh khoản tạm thời.⁴

Năm là, nghiên cứu của Demirhue – Kunt, Karacaovali và Laeven (2005) có cùng quan điểm với Angkinand và Wihlborg (2010). Nhóm tác giả Demirhue – Kunt, Karacaovali và Laeven (2005) nhận định rằng: *Hạn mức chi trả BHTG cao*, người gửi tiền chủ quan trong việc giám sát ngân hàng, tìm hiểu uy tín ngân hàng họ gửi tiền, do đó việc cạnh tranh giữa các ngân hàng không còn bình đẳng. Người gửi tiền sẽ chỉ quan tâm đến lãi suất, ít quan tâm đến uy tín của ngân hàng. Nếu ngân hàng có mất thanh khoản hay xảy ra đổ vỡ đã có BHTG chi trả với hạn mức cao cho người gửi tiền. *Hạn mức chi trả BHTG thấp*, những ngân hàng có [redacted] vẫn thu hút được nhiều người gửi tiền. Tuy nhiên, với những người gửi tiền với số lượng nhỏ, ở những vùng quê, họ không dễ dàng tìm hiểu uy tín, thông tin của ngân hàng, hạn mức chi trả BHTG thấp sẽ không đủ để bảo vệ số đông người gửi tiền, khó đảm bảo niềm tin của người gửi tiền đối với ngân hàng.⁵

Một số khuyến nghị, đề xuất chính sách đối với công tác bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam

Trước khi có BHTG Việt Nam, ở nước ta có 7.660 hợp tác xã (HTX) tín dụng nông thôn và quỹ tín dụng. Song “con lốc” đổ vỡ tín dụng trong khoảng thời gian này đã làm tan rã rất nhiều HTX tín dụng nông thôn và quỹ tín dụng nói trên, thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng, gây nên

⁴[http://www.cgu.edu/PDFFiles/SPE/Willett/Papers/CH%2013%20%20\(Angkinand,%20Wihlborg,%20Willett\).pdf](http://www.cgu.edu/PDFFiles/SPE/Willett/Papers/CH%2013%20%20(Angkinand,%20Wihlborg,%20Willett).pdf).

⁵ Demirguc-Kunt, A., Karacaovali, B., and Laeven, L., (2005), Deposit Insurance around The World: A Comprehensive Database, *World Bank Policy Research working paper*, 3628.

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (106)

hậu quả nghiêm trọng đối với nền kinh tế.⁶ Năm 1997, cuộc khủng hoảng tài chính châu Á đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của một số nước trong khu vực ASEAN. Việt Nam là một trong số các nước chịu ảnh hưởng nhẹ của cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á. Do các yếu tố trên khiến doanh nghiệp trong nước chỉ đạt hiệu quả kinh doanh thấp, khả năng tài chính và sự cạnh tranh giảm sút, nợ quá hạn của ngân hàng tăng cao. Rủi ro của khách hàng sẽ kéo theo sau là rủi ro của chính ngân hàng. Mặt khác, trong giai đoạn này, khi những tổ chức kinh doanh tiền tệ, tín dụng ngoài quốc doanh, như các ngân hàng thương mại cổ phần, các HTX tín dụng, các quỹ tín dụng nhân dân mới tham gia kinh doanh ngân hàng, niềm tin của khách hàng đang trong quá trình hình thành, trong khi đó dư âm về sự đổ vỡ hàng loạt HTX tín dụng trước đây vẫn còn "ám ảnh" trong dân. Trước tình hình đó, một vấn đề nghiêm túc đặt ra là tìm giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa và ngăn chặn sự đổ bể, mất an toàn của hệ thống ngân hàng, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng cho người gửi tiền. Đây chính là lý do thôi thúc triển khai chính sách BHTG ở Việt Nam.

Sau khi BHTG Việt Nam được thành lập, với hạn mức chi trả ban đầu là 30 triệu đồng/1 người gửi tiền và tăng lên ở mức 50 triệu đồng/1 người hiện nay, BHTG Việt Nam đã chi trả 1.793 người gửi tiền tại 39 tổ chức tham gia BHTG Việt Nam là Quỹ tín dụng Nhân dân trên địa bàn 11 tỉnh, thành phố với tổng số tiền chi trả là 26.778 triệu đồng. Toàn bộ số tiền chi trả BHTG không cần sử dụng đến ngân sách nhà nước và đã góp phần ngăn ngừa ảnh hưởng lan truyền, đảm bảo an sinh xã hội. Sau chi trả, BHTG Việt Nam thu hồi được 7.637 triệu đồng (chiếm 40% tổng số tiền chi trả, 32% tổng số tiền thu hồi được sau thanh lý).⁷ BHTG Việt Nam

⁶ Nguyễn Mạnh Dũng, *Một số giải pháp phòng ngừa rủi ro đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, 2001.

⁷ Kỳ yếu 15 năm BHTG Việt Nam.

thường xuyên kiểm tra, giám sát các tổ chức tín dụng, đưa ra cảnh báo sớm, ngăn ngừa hành vi chấp nhận rủi ro ở mức cao. Mặc dầu vậy, hạn mức chi trả BHTG 50 triệu/người duy trì từ năm 2005 đến nay được đánh giá thấp, khả năng bảo vệ tối đa người gửi tiền bị hạn chế.

Trên cơ sở thực trạng hệ thống BHTG Việt Nam và tiếp thu kinh nghiệm trên thế giới qua những công trình nghiên cứu nêu trên, một số giải pháp để hoàn thiện hệ thống tiền gửi Việt Nam cần được lưu ý như sau:

Thứ nhất, điều chỉnh tăng hạn mức chi trả BHTG. Hạn mức chi trả BHTG cần được điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và tình hình hoạt động của hệ thống ngân hàng trong từng thời kỳ. Theo hiệp hội BHTG quốc tế, trong điều kiện kinh tế, xã hội **phát triển** thường, hạn mức chi trả BHTG thông thường gấp 4-5 lần GDP bình quân đầu người. Hiện nay, hạn mức chi trả BHTG ở Việt Nam không thay đổi từ năm 2005. Trong khi các chỉ số CPI, mức thu nhập bình quân quốc nội đầu người đều tăng qua các năm. Đặt ra yêu cầu cần điều chỉnh tăng hạn mức chi trả BHTG. Theo đánh giá của cơ quan xếp hạng tín nhiệm Standard&Poor's (S&P), GDP bình quân đầu người Việt Nam năm 2016 ước tính đạt 2.200 USD.⁸ Theo đó, hạn mức bảo hiểm cần được xác định ở thời điểm hiện nay và cho khoảng 5 năm tới ở mức khoảng 150 triệu đồng đến 200 triệu đồng/mỗi người gửi tiền. Tuy nhiên, để bảo đảm hạn mức chi trả tiền bảo hiểm này có tính khả thi, các yếu tố liên quan khác, như quy định về phí BHTG mà các tổ chức tham gia BHTG phải trả, và khả năng cân đối với các nguồn vốn hoạt động của tổ chức BHTG cần được xem xét điều chỉnh thích ứng.

Thứ hai, thay đổi hệ thống tính phí BHTG. Thực hiện hệ thống tính phí theo mức độ rủi ro đã được áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới.

⁸ <http://cafef.vn/nam-2016-gdp-binh-quan-dau-nguoi-uoc-dat-2200-usd-20160430223808773.chn>.

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (106)

Hiện nay, BHTG Việt Nam đang áp dụng mức phí đồng hạng. Tuy nhiên, để phát huy tốt vai trò của BHTG cũng như phản ánh được mức độ rủi ro của mỗi tổ chức tham gia BHTG, BHTG Việt Nam cần tiến tới áp dụng tính phí theo mức độ rủi ro. Mỗi mức phí cần trở thành một tín hiệu đánh giá thực trạng của mỗi ngân hàng. Xây dựng các nguyên tắc và cơ sở đánh giá rủi ro đối với các tổ chức tham gia BHTG một cách khách quan, công bằng và chính xác, làm cơ sở đề xuất khung phí BHTG cũng như mức phí áp dụng cho từng tổ chức tham gia BHTG cụ thể.

Thứ ba, hoàn thiện cơ sở pháp lý và bổ sung nghiệp vụ cho hoạt động BHTG. Luật BHTG cần được tổng kết, đánh giá sâu sắc sau 4 năm thực hiện làm cơ sở kịp thời xem xét, điều chỉnh Luật BHTG sau một nhiệm kỳ Đại hội. Nội dung kiểm tra tổ chức tham gia BHTG cần được chuẩn hóa, kết quả kiểm tra cần có lộ trình công bố công khai, giảm thiểu cơ hội "lách luật" để trục lợi BHTG. Bên cạnh công tác giám sát, kiểm tra, một số nghiệp vụ của tổ chức BHTG theo mô hình giám thiểu rủi ro cần được triển khai đồng bộ. Hỗ trợ tài chính, ngân hàng bắc cầu là hai nghiệp vụ quan trọng cho tổ chức BHTG hiệu quả cần được quan tâm, sớm triển khai.

Nguyên tắc chi trả bảo hiểm tiền gửi hiệu quả mới của thế giới

Nguyên tắc chi trả bảo hiểm tiền gửi

Chi trả tiền gửi được bảo hiểm là nghiệp vụ sơ khai nhất của tổ chức bảo hiểm tiền gửi (BHTG). Trong trường hợp có tổ chức tham gia BHTG gặp sự cố thì công tác chi trả càng được thực hiện nhanh chóng và chính xác càng góp phần nâng cao hiệu quả chính sách BHTG, giúp duy trì niềm tin công chúng và ổn định tài chính. Trước đây, công tác chi trả được khuyến nghị tại nguyên tắc số 17 trong tài liệu "*Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả*" do Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI) phối hợp cùng Ủy ban Basel về Giám sát

Ngân hàng nghiên cứu và ấn hành. Ngoài ra, để đánh giá mức độ tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, IADI cũng công bố *Tài liệu hướng dẫn Phương pháp đánh giá mức độ tuân thủ các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả* vào tháng 12/2010. Các nguyên tắc cơ bản và phương pháp đánh giá tuân thủ được xem là công cụ hữu ích đối với các quốc gia trong quá trình triển khai, đánh giá lại hoặc chủ động cải cách hệ thống BHTG. Tại Việt Nam, đây cũng là một trong những tài liệu được BHTG Việt Nam nghiên cứu, tham khảo khi xây dựng chiến lược phát triển.

Đến nay, do những thay đổi trong thực tiễn và những bài học kinh nghiệm trong thời kỳ khủng hoảng (2007-2009), tài liệu tham **nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả** đã được nghiên cứu và ban hành bản sửa đổi vào tháng 11/2014. Gần đây nhất, *Cẩm nang đánh giá mức độ tuân thủ các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả* cũng được hoàn thành và công bố vào tháng 3/2016. So với phiên bản cũ, nguyên tắc hoàn trả cho người gửi tiền được bảo hiểm được tích hợp thêm các hướng dẫn hoàn thiện của IADI với nhiều nội dung sửa đổi theo hướng chặt chẽ hơn và tăng cường quyền hạn cho tổ chức BHTG. Trong phiên bản mới này khuyến nghị liên quan tới hoàn trả cho người gửi tiền nằm ở nguyên tắc số 15. Nội dung cụ thể như sau: "*Hệ thống bảo hiểm tiền gửi cần hoàn trả tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền một cách nhanh chóng nhằm đóng góp vào sự ổn định tài chính. Cần khởi động quá trình chi trả cho người gửi tiền thuộc đối tượng bảo hiểm một cách rõ ràng và minh bạch.*"

Bộ tiêu chuẩn mới cũng chỉ rõ 10 tiêu chuẩn cơ bản của nguyên tắc này với 03 thành tố cốt lõi gồm: Thứ nhất: "Tổ chức BHTG có khả năng hoàn trả cho hầu hết người gửi tiền được bảo hiểm trong vòng 7 ngày làm việc. Nếu hiện tại tổ chức BHTG chưa thể thực hiện mục tiêu này, tổ chức BHTG cần có một kế hoạch tại chỗ đáng tin cậy để thực hiện mục tiêu

trương tự." Có thể thấy, nguyên tắc cơ bản cũ cũng yêu cầu "Hệ thống bảo hiểm tiền gửi cần cho phép người gửi tiền tiếp cận ngay lập tức tài khoản được bảo hiểm của họ", tuy nhiên theo tiêu chuẩn cũ tổ chức BHTG chỉ cần thông báo cụ thể đến người gửi tiền được bảo hiểm các điều kiện và khung thời gian chi trả, trong khi đó, nguyên tắc mới khuyến nghị cụ thể thời gian chi trả là trong vòng 7 ngày làm việc. Việc thực hiện theo tiêu chuẩn mới giúp các tổ chức BHTG thực hiện tốt hơn vai trò ổn định tâm lý người gửi tiền, tuy nhiên nó cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với các tổ chức BHTG về năng lực giám sát, kiểm tra, phối hợp với các cơ quan liên quan và tổ chức quản lý trước khi thực hiện chi trả BHTG.

Thứ hai, nguyên tắc mới khuyến nghị mở rộng thẩm quyền của tổ chức BHTG nhằm đáp ứng yêu cầu giúp người gửi tiền nhanh chóng tiếp cận với tiền gửi được bảo hiểm của họ. Theo đó, tổ chức BHTG có quyền truy cập hồ sơ thông tin người gửi tiền tại mọi thời điểm chứ không chỉ vào thời điểm trước khi tổ chức tham gia BHTG bị đóng cửa. Hơn nữa, tổ chức BHTG cũng có quyền thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG (độc lập hoặc kết hợp với cơ quan giám sát) về độ tin cậy của các thông tin cũng như khả năng cung cấp các báo cáo theo yêu cầu của tổ chức BHTG. Thêm vào đó, tổ chức BHTG cũng có quyền được lựa chọn đa dạng các phương thức chi trả nhằm đảm bảo việc chi trả được thực hiện hiệu quả nhất và giảm thiểu chi phí chi trả.

Thứ ba, nguyên tắc mới cũng khuyến nghị tổ chức BHTG cần nâng cao khả năng và năng lực để triển khai quá trình chi trả bao gồm tổng thể các mặt từ bồi dưỡng nhân lực, phát triển hệ thống thông tin, xây dựng kịch bản chi trả tới việc tăng cường phối hợp với các cơ quan giám sát và các cơ quan trong mạng an toàn tài chính quốc gia.

Khuyến nghị, đề xuất với bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Như đã trình bày ở trên, theo thông lệ quốc tế đối với công tác chi trả BHTG đã có những thay đổi đáng kể. Tại Việt Nam, Luật BHTG (2012) quy định trong thời hạn 60 ngày, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức BHTG có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền. Mặc dù hiện nay thời hạn này còn khá xa so với khuyến nghị trong bộ nguyên tắc cơ bản mới, tuy nhiên, BHTG Việt Nam cũng cần nghiên cứu và hoàn thiện hơn nữa quy trình chi trả BHTG nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu hoạt động hiệu quả và hướng tới hoạt động theo thông lệ quốc tế. Trên cơ sở đó để góp phần tăng cường hiệu quả công tác chi trả tại BHTG Việt Nam, theo đó một số giải pháp cần được lưu ý như sau:

Thứ nhất, xây dựng cơ sở dữ liệu về người gửi tiền thuộc đối tượng bảo hiểm. Một điểm sửa đổi đáng lưu ý trong phiên bản mới chính là yếu tố liên quan tới việc tiếp cận sớm thông tin về người gửi tiền được bảo hiểm. Nếu được tiếp cận sớm thông tin, BHTG Việt Nam có thể xây dựng quy trình chi trả BHTG theo mô hình chi trả hiệu quả và chủ động phương án chi trả BHTG, từ đó rút ngắn thời gian chi trả cũng như có các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu rủi ro liên quan tới gian lận trong chi trả BHTG. Hơn nữa, theo Luật BHTG thì BHTG Việt Nam cũng được trao thẩm quyền yêu cầu tổ chức tham gia BHTG cung cấp các thông tin liên quan đến tiền gửi được bảo hiểm. Đây là cơ sở quan trọng để BHTG Việt Nam có thể rà soát, nghiên cứu và đề xuất ban hành quy chế thu nhận thông tin về người gửi tiền tại các TCTD phục vụ công tác chi trả BHTG.

Thứ hai, hoàn thiện và phát triển hệ thống công nghệ phục vụ chi trả BHTG. Việc xây dựng hệ thống công nghệ phù hợp sẽ giúp sử dụng hiệu quả nguồn thông tin về người gửi tiền được bảo hiểm phục vụ công tác chi

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (106)

trả. Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ cũng góp phần giảm thời gian xử lý dữ liệu, hồ sơ người gửi tiền từ đó giúp tăng tính kịp thời của công tác chi trả BHTG.

Thứ ba, nghiên cứu và xây dựng quy trình chi trả theo mô hình chi trả hiệu quả. Đây là mô hình được IADI khuyến nghị các quốc gia thực hiện nhằm đảm bảo tính chủ động khi xây dựng phương án chi trả cũng như giảm thiểu rủi ro liên quan đến chi trả BHTG. Đồng thời cũng cần xây dựng các kịch bản chi trả để đảm bảo cán bộ chi trả truyền tải đúng các thông điệp và chủ động khi phát sinh các tình huống nhạy cảm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. http://faculty.haas.berkeley.edu/ross_levine/Papers/Bank_Regulation_and_Supervision_Around_the_World_15JAN2013.pdf
2. http://siteresources.worldbank.org/INTFR/Resources/475459-1108066643741/asli_enrica.pdf
3. <https://www.aicb.org.my/wp-content/uploads/BJM-138-2012.pdf>
4. [http://www.cgu.edu/PDFFiles/SPE/Willett/Papers/CH%2013%20%20\(Angkinand,%20Wihlborg,%20Willett\).pdf](http://www.cgu.edu/PDFFiles/SPE/Willett/Papers/CH%2013%20%20(Angkinand,%20Wihlborg,%20Willett).pdf)
5. Demirguc-Kunt, A., Karacaovali, B., and Laeven, L., (2005), *Deposit Insurance around The World: A Comprehensive Database*, World Bank Policy Research Working, Paper, 3628.
6. Nguyễn Mạnh Dũng, (2001), *Một số giải pháp phòng ngừa rủi ro đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
7. Kỳ yếu 15 năm BHTGVN
8. <http://cafef.vn/nam-2016-gdp-binh-quan-dau-nguoi-uoc-dat-2200-usd-20160430223808773.chn>
9. Luật Bảo hiểm tiền gửi (2012).
10. Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI), *Core Principles for Effective Deposit Insurance Systems*, (6/2009), IADI.
11. Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI), *Core Principles for Effective Deposit Insurance Systems – A methodology for compliance assessment*, (12/2010), IADI.
12. Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI), *Core Principles for Effective Deposit Insurance Systems*, (11/2014), IADI.
13. Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI), *A Handbook for the assessment of compliance with the core principles for effective deposit insurance systems*, (3/2016), IADI.